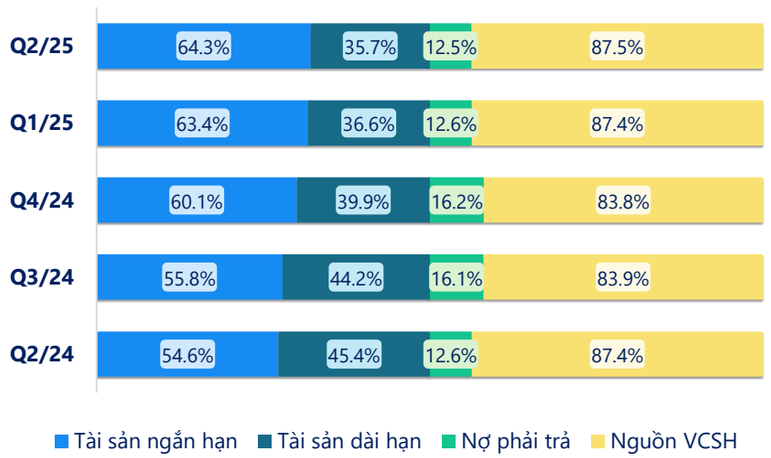
FireAnt

CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	62,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	55,101
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,379
SL cổ phiếu LH	63,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	955
% sở hữu nước ngoài	21.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,922
P/E	10.1
EPS	6,166

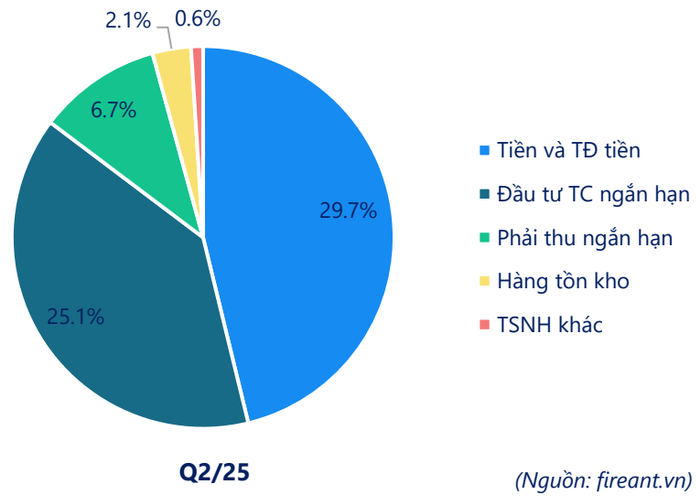
	YTD	1T	3T	6T
VGR	38.4%	30.0%	22.1%	40.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



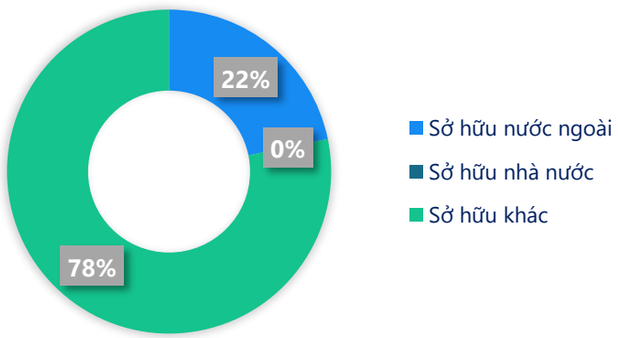
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



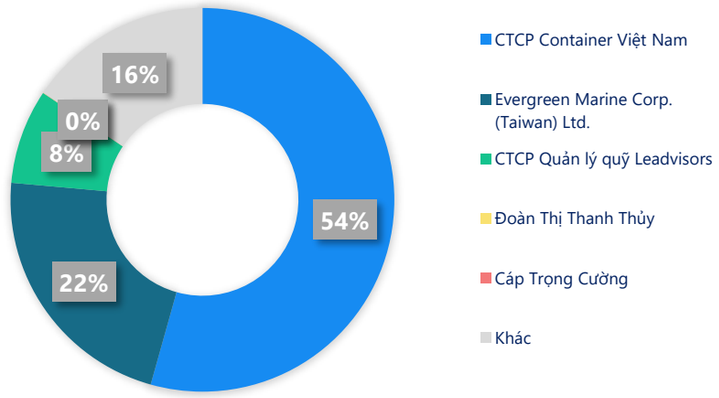
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



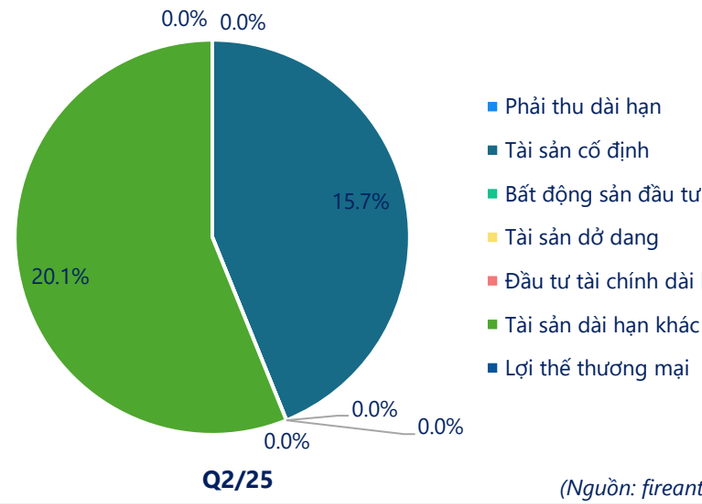
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

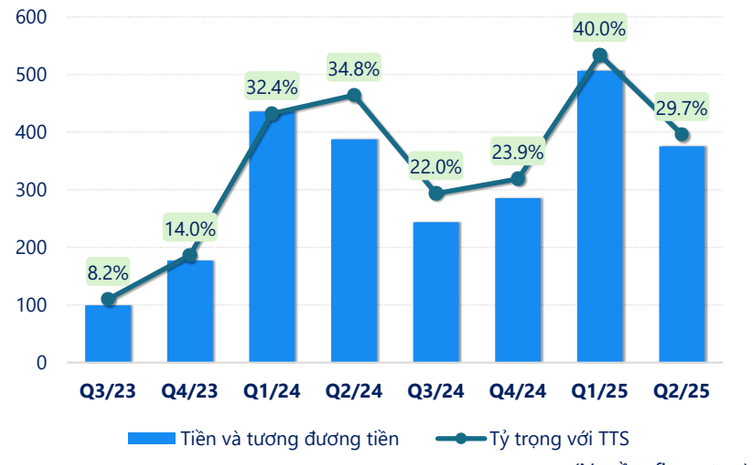


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

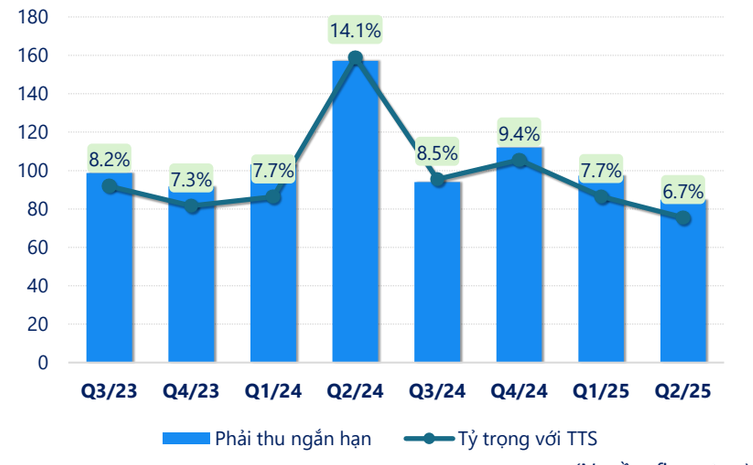
CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

Tiền và tương đương tiền



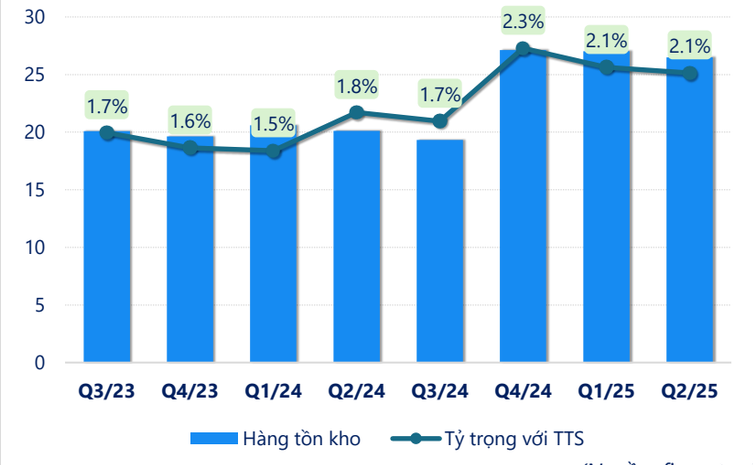
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



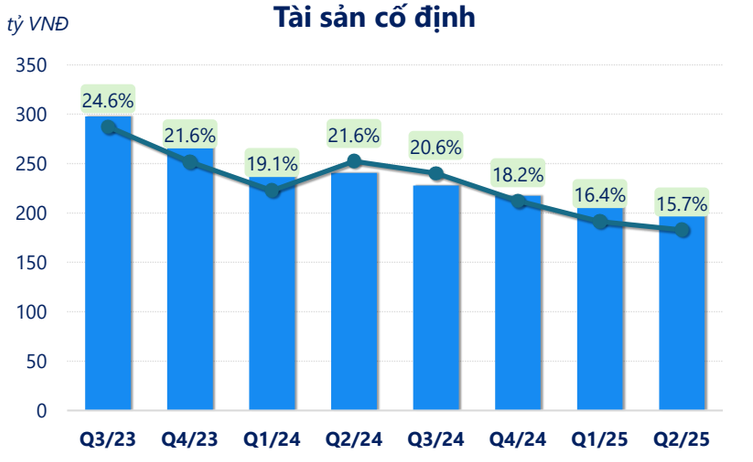
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



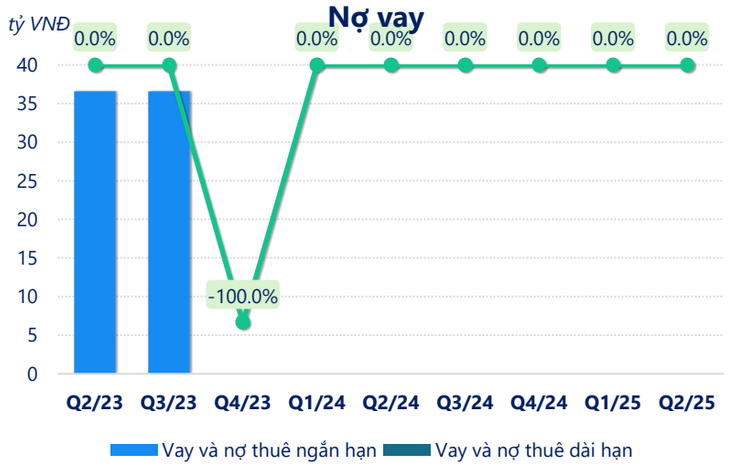
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



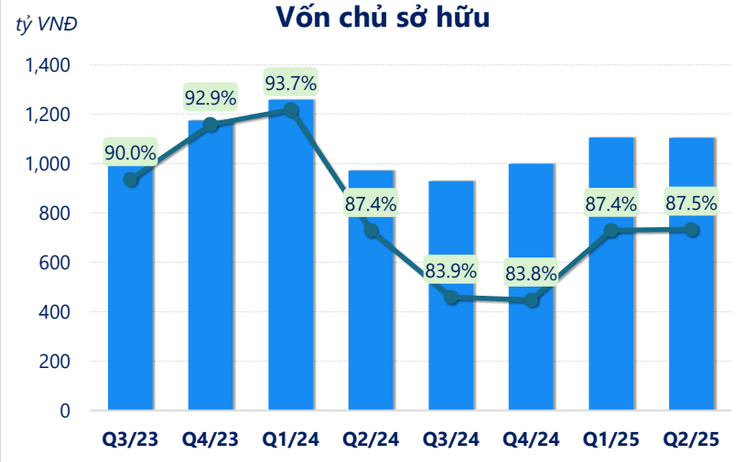
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

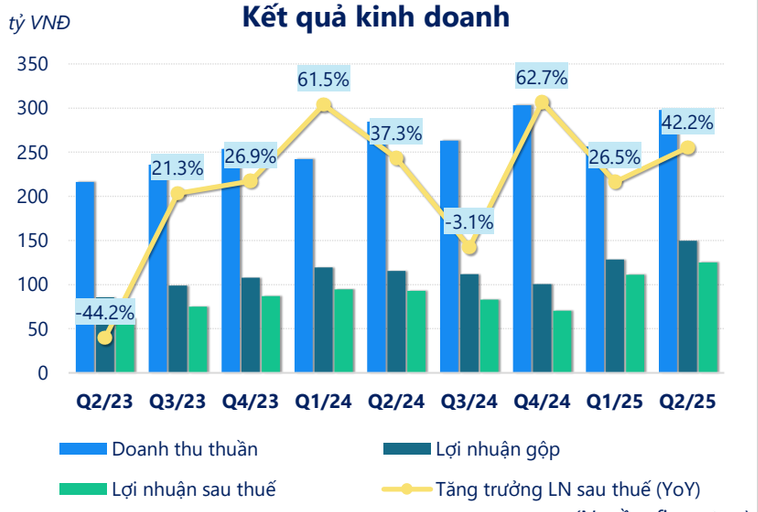


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

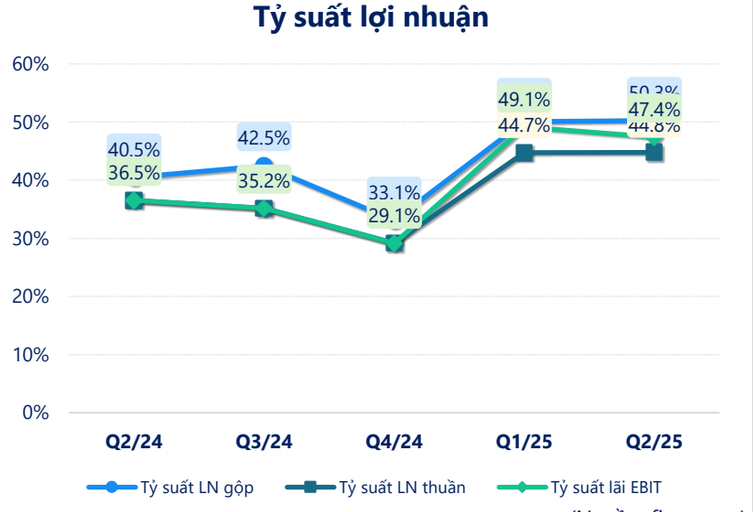
CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

Kết quả kinh doanh



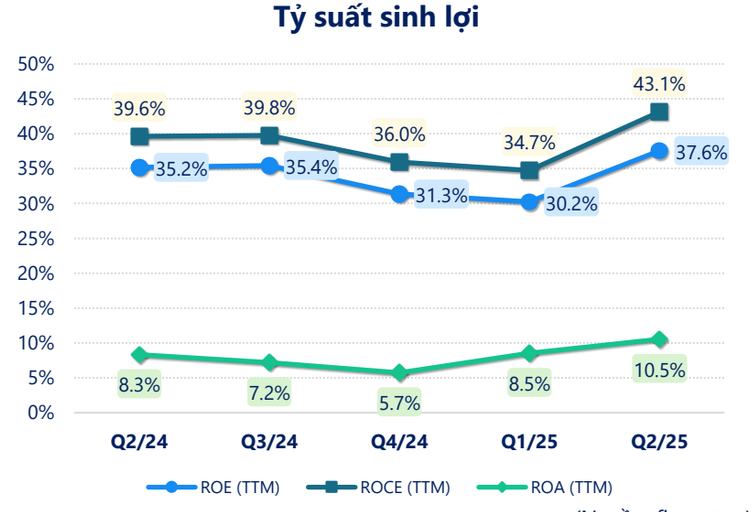
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



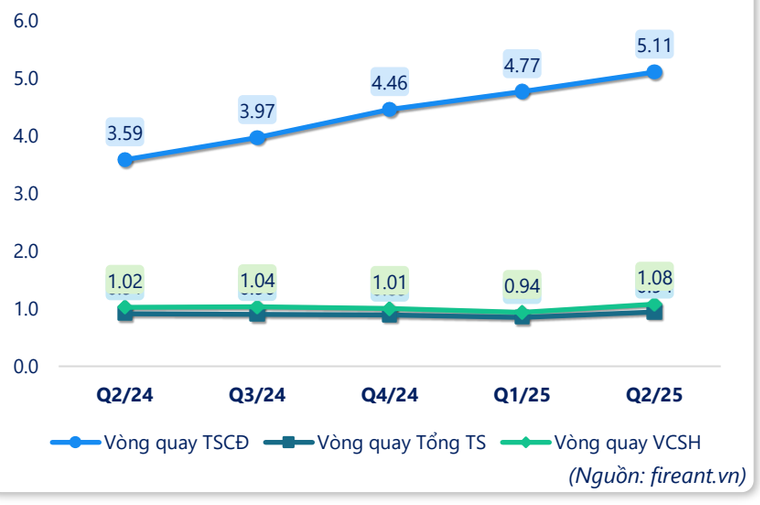
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



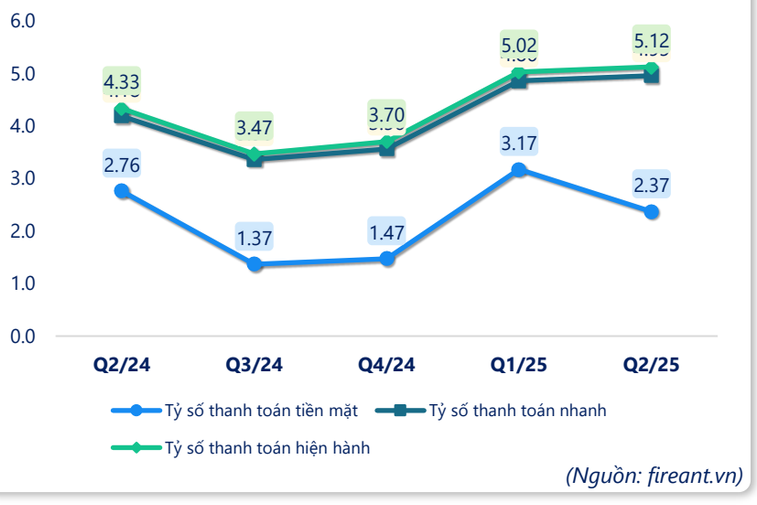
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



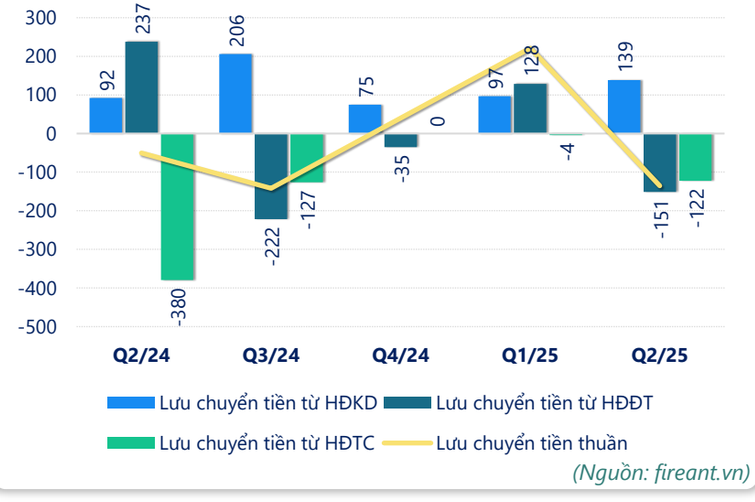
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,264**	**1,193**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	812	717	13.3%
Tiền và tương đương tiền	375	285	31.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	317	283	12.2%
Phải thu ngắn hạn	84.9	112	-24.2%
Hàng tồn kho	26.5	27.1	-2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	8.21	9.57	-14.2%
Tài sản dài hạn	**451**	**476**	**-5.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	198	217	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**253**	**259**	**-2.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	159	194	-18.2%
Nợ ngắn hạn	**159**	**194**	**-18.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	40.0	71.5	-44.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,105**	**999**	**10.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,105**	**999**	**10.6%**
Vốn điều lệ	633	633	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	285	263	303	256	298
Giá vốn hàng bán	169	151	203	128	148
Lợi nhuận gộp	115	112	100	128	150
Doanh thu HĐTC	7.57	3.98	4.50	5.31	9.31
Chi phí TC	0.60	0.54	0.05	0.11	0.12
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.44	11.6	15.9	12.1	18.7
Chi phí QLDN	9.97	11.1	0.49	6.83	6.79
LN thuần từ HĐKD	104	92.6	88.4	115	133
Lợi nhuận khác	0.01	-0.05	-0.13	11.3	7.79
LN trước thuế	104	92.5	88.3	126	141
Lợi nhuận sau thuế	92.7	83.1	70.5	111	125
LNST của CĐ cty mẹ	92.7	83.1	70.5	111	125

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	91.8	206	75.0	97.0	139
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	237	-222	-35.3	128	-151
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-380	-127	0	-4.06	-122
Tiền đầu kỳ	436	387	243	285	507
Lưu chuyển tiền thuần	**-50.3**	**-142**	**39.7**	**221**	**-135**
Ảnh hưởng tỷ giá	2.05	-2.05	2.13	0	3.91
Tiền cuối kỳ	387	243	285	507	375

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic